TAND HUYÊN CHƯƠNG MỸ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 117 /2017/HS - ST Ngày 28 tháng 11 năm 2017	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Mạnh Hà - Thư ký TAND huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2017, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 124/2017/TLST – HS ngày 08/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117 /2017/QĐXXST – HS ngày 27 tháng 11 năm 2017 đối với:

1. ***Bị cáo*** **Nguyễn Gia T**, sinh năm 1972. ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ.P.Y, huyện C, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Gia Đ (là Thương binh 3/4, đã chết) và bà Trần Thị Ư, sinh năm 1954. Có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 và có 03 con - lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 353 do Công an huyện C lập ngày 12/7/2017. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2/*Người bị hại*: Ông Nguyễn Gia T1, sinh năm 1961. ĐKHKTT và cư trú: Thôn Đ, xã Đ.P.Y, huyện C, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3/*Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại Nguyễn Gia T1 là*: Luật sư **Nguyễn Công Th** - Văn phòng Luật sư Tuấn Thành thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

4/*Người tham gia tố tụng khác - Người làm chứng*:

4.1. Ông Nguyễn Gia Ph, sinh năm 1942. Vắng mặt:

4.2. Ông Nguyễn Gia T2, sinh năm 1953. Có mặt;

4.3. Anh Nguyễn Gia T3, sinh năm 1978. Có mặt;

4.4. Anh Trần Văn Th, sinh năm 1986. Vắng mặt;

4.5. Anh Nguyễn Gia T4, sinh năm 1994. Có mặt;

4.6. Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1979. Có mặt;

4.7. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962. Có mặt.

Đều ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ.P.Y, huyện C, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 14/3/2017, Ban lãnh đạo thôn Đ, xã Đ.P.Y mời ông Nguyễn Gia T1, sinh năm 1961 và bị cáo T đến Hội trường nhà văn hóa thôn để hòa giải tranh chấp tranh chấp đất giữa hai bên. Khi ông Nguyễn Gia T1 đang nói chuyện với ông Nguyễn Gia T2 thì bị cáo T cùng con trai là Nguyễn Gia T4 và em dâu là Nguyễn Thị T5 cùng đến nhà văn hóa nhưng chưa vào Hội trường. Khi đứng ngoài bị cáo T nghe thấy ông Nguyễn Gia T1 nói với ông T2 "Nếu không giải quyết được sẽ đưa lên huyện để giải quyết". Thấy vậy bị cáo T đi vào nhà văn hóa dẫn đến hai người to tiếng, sau đó bị cáo T cầm 01 chiếc ghế nhựa, kích thước cao 45 cm, bản ngồi diện (25x25) cm bằng tay phải chạy đến chỗ ông Nguyễn Gia T1 và đập 01 cái từ trên xuống dưới, trúng vào đầu ông Nguyễn Gia T1 làm ông bị thương, rách ra chảy máu đầu. Thấy vậy ông T2 và mọi người đến can ngăn. Nguyễn Gia T4 (con trai bị cáo T) đang đứng ngoài sân nhà văn hóa chạy đến mục đích để đánh ông Nguyễn Gia T1 nhưng được anh Th can ngăn không cho đánh, còn chị T5 cũng định xông vào hội trường nhưng mọi người không cho vào nên chỉ đứng ngoài chửi bới ông T1. Được mọi người can ngăn nên bị cáo T, Nguyễn Gia T4 và chị Nguyễn Thị T5 đi về, ông Nguyễn Gia T1 được mọi người đưa đi cấp cứu.

Hậu quả: Ông Nguyễn Gia T1 bị thương ở đầu, phải điều trị tại tại Bệnh viện đa khoa huyện C từ ngày 15/3/2017 đến ngày 17/3/2017 ra bệnh việt Hữu nghị Việt –Đức khám rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa Hà Đông điều trị đến 29/3/2017 được xuất viện về nhà.

Kết luận giám định pháp y thương tích số 2856/C54-TT1 ngày 20/6/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: "Sẹo vùng giữa đỉnh không ảnh hưởng chức năng và thẩm mỹ.." Tỷ lệ phần trăm thương tích của ông Nguyễn Gia T1 là 3% (Ba phần trăm).

Cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 06/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố bị cáo T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại từ 19.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Đề nghị tịch thu vật chứng để tiêu hủy.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại trình bày lời buộc tội: Bị cáo T là người dùng hung khí nguy hiểm trực tiếp gây thương tích 3% sức khỏe cho bị hại T1. Không có căn cứ để xác định anh T4 gây thương tích cho ông T1, không có căn cứ xác định chị T5 đồng phạm với bị cáo T. Nhất trí với bản cáo trạng quy kết về hành vi của bị cáo. Nhất trí về tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo trong bản luận tội đã trình bày. Về hình phạt, đề nghị xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo. Không nhất trí mức bồi thường như Kiểm sát viên đề nghị mà đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là 65.280.000 đồng hoặc theo quy định pháp luật.

Người bị hại là ông Nguyễn Gia T1 nhất trí phần trình bày của Luật sư đề nghị Cơ quan pháp luật xử lý bị cáo T nghiêm khắc theo quy định pháp luật và buộc T phải bồi thường cho ông 65.280.000 đồng hoặc theo quy định của pháp luật và khẳng định: Ngoài các tài liệu, chứng cứ về chi phí cho việc cứu chữa đã xuất trình tại Cơ quan điều tra ngày 26/7/2017, không có tài liệu, chứng cứ nào khác xuất trình thêm.

Bị cáo T thừa nhận đã dùng ghế nhựa đánh vào đầu ông Nguyễn Gia T1 đúng như cáo trạng truy tố, tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Gia T1 15.000.000 đồng hoặc theo quy định pháp luật, đã tự nguyện nộp 5.682.600 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ để bồi thường cho người bị hại; xin lỗi người bị hại tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Trong giai đoạn điều tra, người làm chứng là ông Ph và anh Th; tại phiên tòa ông T2, anh T3 đều trình bày: Họ trực tiếp chứng kiến khoảng hơn 08 giờ ngày 14/3/2017, tại Hội trường nhà văn hóa thôn Đ, xã Đ.P.Y bị cáo Tĩnh dùng 01 ghế nhựa đánh một cái vào đầu ông Nguyễn Gia T1 gây thương tích cho ông T1 đúng như cáo trạng đã nêu và bị cáo T khai tại phiên tòa, ngoài ra không có ai khác gây thương tích cho người bị hại T1, chị T5 không hô hào kích động bị cáo T đánh người bị hại là ông T1.

Người làm chứng T4 và chị T5 trình bày không tham gia và không hô hào bị cáo T đánh người bị hại T1;

Bà Th trình bày: Không chứng kiến việc bị cáo T gây thương tích cho chồng bà là ông T1. Khi người bị hại là ông T1 điều trị ở viện bà có thuê người trông nom hết nhưng không nhớ tên, địa chỉ của họ và cũng không có hợp đồng

UBND xã Đ.P.Y cung cấp với Cơ quan điều tra: Thu nhập bình quân của lao động phổ thông tại xã Đ.P.Y là 190.000 đồng/người/ngày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động: "Điều tra", "Truy tố" đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để người bị hại, bị cáo, người tham gia tố tụng khác thực hiện đủ, đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Người bị hại mời Luật sư bảo vệ quyền lợi cho mình. Tòa án đã cấp Giấy chứng nhận và tạo điều kiện để Luật sư thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 59 Bộ luật tố tụng hình sự.

Người làm chứng là ông Ph và anh Th vắng mặt, tuy nhiên bị cáo, người bị hại, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt ông Ph và anh Th. Hội đồng xét xử nghị bàn tại bàn xử án, Quyết định xét xử vắng mặt ông Ph và anh Th.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xem xét lời khai của bị cáo, đánh giá hành vi của bị cáo và đối chiếu: Với quy kết tại cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 06/11/2017, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, với quan điểm buộc tội đối với bị cáo của Luật sư và người bị hại.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với: Lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định; Bệnh án, cơ chế hình thành thương tích của người bị hại và diễn biến khách quan của vụ án. Đủ căn cứ để xác định: Khoảng hơn 08 giờ ngày 14/3/2017, tại Hội trường nhà văn hóa thôn Đ, xã Đ.P.Y, bị cáo T dùng 01 ghế nhựa kích thước cao 45 cm, bản ngồi diện (25x25) cm là hung khí nguy hiểm đánh một cái vào đầu ông Nguyễn Gia T1 gây thương tích, tổn hại về sức khỏe của người bị hại T1 tại "*đỉnh đầu"* là 3%, người bị hại T1 phải sơ cứu ở Phòng khám đa khoa 16A và điều trị tại tại Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ từ ngày 15/3/2017 đến ngày 17/3/2017 ra bệnh việt Hữu nghị Việt –Đức khám rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa Hà Đông điều trị đến 29/3/2017 được xuất viện về nhà.

Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Đủ cơ sở pháp luật quy kết: Bị cáo T phạm tội "Cố ý gây thương tích". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo T theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự với tình tiết "*Dùng hung khí nguy hiểm*" là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, trái với quy định của pháp luật hình sự. Cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội.

Quan điểm buộc tội đối với bị cáo do Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại và người bị hại trình bày phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

2.2. Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

2.2.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

2.2.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện nộp số tiền 5.682.600 đồng (tương đương chi phí theo hóa đơn điều trị tại viện do ông Tĩnh xuất trình) tại Chi cục Thi hành án để bồi thường cho người bị hại; có bố đẻ được tặng "Huy chương kháng chiến hạng nhì" là thương binh hạng 3/4 là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng các tình giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

2. 3. Xem xét loại, mức hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình bị cáo và bị hại từ trước, bị cáo và bị hại có quan hệ họ hàng, đã tự nguyện xin lỗi người bị hại tại phiên tòa. Xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng loại hình phạt "cải tạo không giam giữ", giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cũng có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2.4. Xem xét đánh giá ý kiến trình bày của người bị hại Nguyễn Gia T1 về việc có đồng phạm với bị cáo T gây thương tích cho ông:

Việc người bị hại T1 trình bày: Anh Nguyễn Gia T4 cũng dùng ghế nhựa đánh vào đầu ông và chị Nguyễn Thị T5 hô hào kích động bị cáo T đánh ông. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của những người làm chứng đều xác định "... T4 có chạy đến chỗ bị hại T nhưng mọi người can ngăn nên còn đứng cách xa ông T1 từ 3 đến 4 m và không đánh ông T1"....; " Ngoài bị cáo T đánh người bị hại T1 thì không có ai khác đánh bị hại T1"; "...Chị T5 không có hành vi hô hào đánh nhau.." Bệnh án của ông T1 và kết luận giám định đều xác định "...Người bị hại T1 chỉ có một vết thương ở đỉnh đầu" nên không có căn cứ chấp nhận lời khai của người bị hại.

2.5. Xem xét hành vi của anh Nguyễn Gia T4, chị Nguyễn Thị T5: Căn cứ lời khai của những người làm chứng đều xác định: Anh T4 và chị T5 đều có mặt tại hiện

trường có lời nói to tiếng nhưng không kích động, hô hào đánh ông Nguyễn Gia T1. Cơ quan điều tra xác định chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng đối với Nguyễn Gia T4 về hành vi "Đánh nhau" và 150.000 đồng đối với Nguyễn Thị T5 về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" theo Nghị định 167/2013 của Chính phủ là có căn cứ.

2.6. Xem xét đánh giá ý kiến trình bày của những người làm chứng. Lời khai của những người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo; một phần lời khai của người bị hại; phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án và phù hợp với nhận định trên của Tòa án.

2.7. Về trách nhiệm dân sự:

2.7.1. *Về yêu cầu bồi thường của người bị hại*: Luật sư và người bị hại đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường 65.280.000 đồng và đã xuất trình 06 loại chứng từ gồm:

+ Phiếu khám bệnh (do Phòng khám đa khoa 16A Quang Vinh phát hành ngày 14/3/2017) – Bút lục số 96 với số tiền 590.000 đồng;

+ Hóa đơn bán hàng (do Bệnh viện Đa khoa huyện C phát hành ngày 20/3/2017) – Bút lục số 97 với số tiền 506.300 đồng;

+ Hóa đơn bán hàng (do Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức phát hành ngày 17/3/2017) – Bút lục số 98 với số tiền 589.000 đồng;

+ Phiếu chụp X- Quang (do Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức phát hành ngày 17/3/2017) – Bút lục số 99 với số tiền 69.000 đồng;

+ Phiếu đăng ký khám (do Bệnh viện đa khoa Hà Đông phát hành ngày 17/3/2017) – Bút lục số 100 với số tiền 14.000 đồng;

+ Hóa đơn bán hàng (do Bệnh viện đa khoa Hà Đông phát hành ngày 29/3/2017) – Bút lục số 101 với số tiền 3.914.300 đồng.

Tổng 06 hóa đơn là 5.682.600 đồng.

2.7.2. *Hội đồng xét xử xem xét các khoản người bị hại được bồi thường*: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; bệnh án kết luận của bệnh viện khi ông Nguyễn Gia T1 xuất viện, kết luận giám đinh pháp y và thu nhập bình quân một lao động phổ thông do UBND xã Đ.P.Y cung cấp. Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải bồi thường người bị hại Nguyễn Gia T1 các khoản sau:

2.7.2.1. Khoản chi phí tại 06 chứng từ (Bút lục số 96 đến Bút lục 101) với tổng số tiền là 5.682.600 đồng do ông T1 xuất trình. Hội đồng xét xử xác định đây là các chi phí hợp lý có căn cứ được chấp nhận;

2.7.2.2. Đối với các khoản chi phí không có chứng từ mà ông T1 yêu cầu. Hội đồng xét xử xem xét cụ thể từng khoản như sau:

+ Khoản yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng tiền chi phí ngoài hóa đơn như: Chi phí đi lại, ăn uống và mua một số đồ dùng. Đối với khoản này Hội đồng xét xử chấp nhận: Tiền thuê xe đi lại (đến các bệnh viện, về nhà và đi giám định) là 3.000.000 đồng; Tiền ăn bồi dưỡng thêm tại viện 15 ngày mỗi ngày 100.000 đồng, thành tiền là 1.500.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường khoản này là 4.500.000 đồng.

+ Khoản ông đề nghị bồi thường 3.600.000 đồng chi phí thuê người chăm sóc. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông và vợ ông là bà Th đều trình bày thuê một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ và không có Hợp đồng nên không có căn cứ chấp nhận. Mà căn cứ vào mức thu nhập của người lao động phổ thông do UBND xã Đ.P.Y cung cấp, buộc bị cáo phải bồi thường tiền công người chăm sóc là 190.000 đồng/ngày x 15 ngày ở viện, thành tiền là 2.850.000 đồng.

+ Khoản ông đề nghị bồi thường 6.000.000 đồng do mất thu nhập do không lao động được. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông là người lao động phổ thông, nên căn cứ vào mức thu nhập của người lao động phổ thông do UBND xã Đ.P.Y cung cấp, buộc bị cáo phải bồi thường tiền mất thu nhập của ông là 190.000 đồng/ngày x 15 ngày ở viện, thành tiền là 2.850.000 đồng.

+ Khoản ông đề nghị bồi thường 5.000.000 đồng mua thuốc bổ bồi dưỡng sức khỏe. Đối với khoản này không có chỉ định của bác sỹ nên không có căn cứ chấp nhận.

+ Khoản ông đề nghị bồi thường 30.000.000 đồng do chức năng bị mất, giảm sút, di chứng để lại. Căn cứ bệnh án và kết luận giám định pháp y đều kết luận "Khỏi bệnh, không ảnh hưởng chức năng và thẩm mỹ"; Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức kết luận "không có tổn thương khác". Như vậy khoản này không có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với khoản ông đề nghị bồi thường 10.000.000 đồng tổn thất về tinh thần. Do tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông T1 là 03%, nên xác định tổn thất tinh thần của ông tương đương 03 tháng lương cơ bản là 03 tháng x 1.310.000 đồng (tháng lương cơ bản) = 3.930.000 đồng.

Tổng số tiền Hội đồng xét xử đã xem xét và buộc bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Gia T1 là 19.812.600 đồng.

Do bị cáo T đã tự nguyện nộp 5.682.000 đồng để bồi thường cho ông T1 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 20/11/2017. Tiếp tục tạm giữ khoản tiền này, đối trừ với khoản tiền mà bị cáo phải bồi thường. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Gia T1 là 14.130.600 đồng.

Đối với việc ông T1 cho rằng anh T4 và chị T5 phải cùng có trách nhiệm bồi thường. Như nhận định trên, không có cơ sở xác định anh T4 và chị T5 đồng phạm với bị cáo T gây thương tích cho ông nên chỉ có căn cứ buộc bị cáo T là người phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại T1.

2.7.3. *Xét trách nhiệm của bị cáo đối với việc sử dụng chiếc ghế của Nhà văn hóa thôn Đ*: Chiếc ghế nhựa mà bị cáo dùng đánh người bị hại là của Nhà văn hóa thôn Đ, Ban lãnh đạo thôn xác định đã bị hỏng từ trước, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

2.8. Vật chứng của vụ án: Chiếc ghế nhựa màu xanh kích thước cao 45 cm, bản ngồi diện (25x25) cm là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về nghĩa vụ nộp án phí: Bị cáo Nguyễn Gia T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5% x 14.130.600 đồng (khoản tiền còn phải bồi thường) = 706.530 đồng (làm tròn là 706.000 đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định tại Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Gia T** phạm tội "**Cố ý gây thương tích**".

2. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo **Nguyễn Gia T 12** (***Mười hai***) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Gia T tính từ ngày UBND xã Đ.P.Y nhận được Quyết định thi hành án và Bản án có hiệu lực pháp luật.

Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Gia T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Gia T cho UBND xã Đ.P.Y, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ.P.Y trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Căn cứ vào: Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Gia T (sinh năm 1972) phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Gia T1 (sinh năm 1961) số tiền 19.812.600 **(***Mười chín triệu, tám trăm mười hai nghìn, sáu trăm***)** đồng. Được đối trừ với 5.682.000 (*Năm triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn*) đồng mà bị cáo T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, bị cáo Nguyễn Gia T còn phải bồi thường tiếp 14.130.600 (*Mười bốn triệu, một trăm ba mươi nghìn, sáu trăm*) đồng cho người bị hại Nguyễn Gia T1.

Tiếp tục tạm giữ khoản tiền 5.682.000 (*Năm triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn*) đồng do bị cáo Nguyễn Gia T nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo "Biên lai thu tiền" số AH/2010/0007433 ngày 20/11/2017 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu để tiêu hủy chiếc ghế nhựa màu xanh kích thước cao 45 cm, bản ngồi diện (25x25) cm. *Chiếc ghế này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, có tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 08/11/2017*).

5.Căn cứ vào: Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Buộc bị cáo **Nguyễn Gia T** (sinh năm 1972) phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 706.000(*Bảy trăm linh sáu nghìn*) đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo:

- Bị cáo; Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an Chương Mỹ - Hà Nội;
- Chi cục THADS; Thi hành án HS;
- UBND xã Đ.P.Y;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Luật sư BVQL cho bị hại;
- Lưu HS/V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ MINH HOÀNG